

Mấy nét khái quát về văn học hoàng phái triều Nguyễn¹

Nguyễn Mạnh Hoàng^(*)

Tóm tắt: Văn học hoàng phái triều Nguyễn với đội ngũ sáng tác là các tác giả xuất thân từ hoàng tộc, đặc biệt là các hoàng đế, hoàng thân... thời Nguyễn có số lượng tác phẩm hết sức phong phú, đồ sộ. Bài viết bước đầu giới thiệu khái quát về diện mạo và đặc điểm dòng văn học hoàng phái triều Nguyễn, qua đó thấy được sự phát triển và đóng góp của dòng văn học này trong lịch sử văn học Việt Nam.

Từ khóa: Triều Nguyễn, Văn học triều Nguyễn, Văn học hoàng phái

Abstract: Nguyễn royal family's literature had a huge and diverse number of works by authors who belong to the royal family, such as emperors and/or royal relatives. The paper provides a general description of the appearance and characteristics of Nguyễn royal family's literature, thereby reveals its development and contributions to the history of Vietnamese literature.

Keywords: Nguyen Dynasty, Nguyen Court's Literature, Royal Family's Literature

Ngày nhận bài: 17/6/2024; Ngày duyệt đăng: 15/8/2024

1. Mở đầu

Lịch sử văn học Việt Nam thời trung đại có dấu ấn đậm nét của văn học hoàng phái. Chẳng hạn, thời Trần có sáng tác của nhiều vua và quý tộc họ Trần; thời Lê sơ có sáng tác của một số vua và quý tộc họ Lê; thời Lê - Trịnh có sáng tác của các chúa Trịnh và quý tộc họ Trịnh,... Đến thời Nguyễn, dòng văn học hoàng phái nở rộ với đông đảo tác giả là các hoàng đế và những người trong hoàng tộc. Thời Nguyễn, ngoại trừ Gia Long, vị vua sáng lập triều Nguyễn chỉ tập trung xây dựng và củng cố vương triều, và một số vị vua

quá nhỏ tuổi và/hoặc yếu mệnh (chưa kịp để lại sáng tác), còn lại đều là những vị vua yêu thích và đề cao văn chương, họ đã dành nhiều thời gian để sáng tác, biên soạn các công trình về lịch sử, địa lý, ngôn ngữ, văn chương... có giá trị. Trong bối cảnh đó, các văn thân, trí thức xuất thân hoàng gia cũng được khích lệ, họ đã sôi nổi tham gia sáng tác. Các tác giả hoàng phái triều Nguyễn đã tạo nên một dòng văn phát triển hưng thịnh và đạt được nhiều thành tựu, đóng góp cho lịch sử văn học nước nhà. Bài viết bước đầu phác họa diện mạo, đặc điểm, quá trình phát triển và những đóng góp cơ bản của dòng văn này trong lịch sử văn học dân tộc.

2. Vài nét về bối cảnh xã hội, văn hóa, văn học triều Nguyễn

Năm 1802, Nguyễn Ánh - Gia Long đánh bại nhà Tây Sơn, thống nhất đất nước, lập ra triều Nguyễn và đặt kinh đô ở Huế.

¹ Bài viết là kết quả nghiên cứu của Đề tài cấp cơ sở năm 2024 "Tổng quan nghiên cứu về văn học hoàng phái triều Nguyễn", do TS. Nguyễn Mạnh Hoàng chủ nhiệm, Viện Thông tin Khoa học xã hội chủ trì.

(*) TS., Viện Thông tin Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam;

Email: hoangnguyennh261280@gmail.com

Các vị vua nửa đầu triều Nguyễn từ Gia Long đến Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức đã ban hành nhiều chính sách văn hóa, xã hội để củng cố vương quyền, gìn giữ nền độc lập quốc gia như: chính sách giáo dục, chính sách phát triển văn chương nghệ thuật, chính sách thống nhất văn hóa, chính sách tôn giáo, chính sách ngoại giao... Nhà Nguyễn đã kế thừa và phát huy những thành tựu từ các triều Ngô, Đinh - tiền Lê, Lý, Trần đến hậu Lê để kiến tạo nên Nhà nước phong kiến chuyên chế Trung ương tập quyền.

Cũng giống như triều Lê, các vua Nguyễn lấy ý thức hệ Nho giáo làm “khuôn vàng thước ngọc”. Tư tưởng chính thống được hàm chứa trong *Ngũ kinh (Dịch, Lễ, Thi, Thư, Xuân Thu)* và *Tứ thư (Luận ngữ, Mạnh Tử, Đại học và Trung dung)*, đề cao những nguyên tắc của Nho giáo như tam cương, ngũ thường, khuyến dân chúng sống cần kiệm, giữ gìn phong tục, làm điều lành... Qua các đời vua từ Gia Long, Minh Mạng đến Tự Đức, triều Nguyễn đã tập hợp và quy tụ được đội ngũ đông đảo Nho sĩ và phát huy được tài đức của họ trong sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa đất nước.

Về sử học, thời Nguyễn có nhiều thành tựu. Năm 1820, Quốc sử quán triều Nguyễn được thành lập với nhiệm vụ thu thập các bộ sử xưa, in lại quốc sử thời Lê và biên soạn các bộ sử mới như: *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, *Đại Nam liệt truyện*, *Đại Nam thực lục (Tiền biên và Chính biên)*,... Quốc sử quán triều Nguyễn cũng tổ chức biên soạn nhiều công trình địa lý như *Đại Nam nhất thống chí*, *Đồng Khánh địa dư chí*,... Thời Nguyễn cũng có nhiều công trình sử học, địa lý học có giá trị do các danh sĩ biên soạn như: *Lịch triều tạp kỷ* (Ngô Cao Lãng), *Nghệ An ký* (Bùi Dương Lịch), *Hoàng Việt nhất thống dư*

địa chí (Lê Quang Định), *Gia Định thành thông chí* (Trịnh Hoài Đức), *Việt sử thông giám khảo lược* (Nguyễn Thông), *Quốc sử di biên* (Phan Thúc Trục), *Lịch triều hiến chương loại chí* (Phan Huy Chú), *Bắc Thành dư địa chí* và *Hoàng Việt dư địa chí* (Phan Huy Chú), *Phương Đình dư địa chí* (Nguyễn Văn Siêu), *Sử học bị khảo* (Đặng Xuân Bảng),...

Về văn học, trong nội bộ hoàng tộc Nguyễn, hoạt động sáng tác văn học cũng có điều kiện phát triển thuận lợi. Đa số các vua nhà Nguyễn đều coi trọng Nho giáo và văn chương. Theo *Đại Nam liệt truyện* (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2006), các hoàng tử và công chúa được giáo dục văn thơ chữ nghĩa từ nhỏ. Nhà Nguyễn cho xây dựng Tập Thiện Đường, Tôn Học Đường, Tứ Phương Vô Sự,... để các hoàng tử, công chúa và con em hoàng thân học tập. Việc quản lý và giảng dạy ở các cơ sở giáo dục hoàng cung này do các Nho sĩ, đại thần có tài đức đảm nhiệm. Nhà Nguyễn cũng chú trọng việc sưu tầm, lưu trữ thư tịch, sách vở để sử dụng cho hoàng gia nói riêng và triều đình nói chung. Được đào tạo quy củ và bài bản về học vấn (chủ yếu là Nho học với *Tứ thư*, *Ngũ kinh*, bách gia chư tử...) nên các thành viên trong hoàng tộc triều Nguyễn đều yêu thích và sớm bộc lộ tài năng văn chương. Trên một nền tảng, môi trường văn hóa giáo dục như vậy nên dễ hiểu văn học hoàng phái triều Nguyễn rất phát triển với đông đảo tác gia là vua chúa và những người trong hoàng tộc.

3. Diện mạo văn học hoàng phái triều Nguyễn

Nói đến văn học hoàng phái triều Nguyễn, trước tiên phải kể đến những vị hoàng đế văn chương nổi tiếng như Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức,... Các công trình thư tịch học, thư mục học như *Lược truyện các tác gia Việt Nam* và *Tìm hiểu*

kho sách Hán Nôm của Trần Văn Giáp, *Lịch sử thư tịch Việt Nam* của Lâm Giang, *Di sản Hán Nôm thư mục đề yếu* của Trần Nghĩa và Francois Gros... cho thấy số lượng tác phẩm vô cùng đồ sộ của các hoàng đế nhà Nguyễn.

Minh Mạng (1791-1841) là vị vua thứ hai triều Nguyễn. Ông không chỉ có tài trị quốc an dân mà còn giỏi văn thơ. Theo *Lược truyện các tác gia Việt Nam* của Trần Văn Giáp (1971), vua Minh Mạng có các tác phẩm: *Ngự chế tiểu bình Bắc kỳ nghịch phi thi tập*, *Ngự chế tiểu bình Nam kỳ nghịch phi thi tập*, *Ngự chế thi sơ tập*, *Ngự chế thi tam tập*, *Ngự chế thi tứ tập*,... Thơ ngự chế của Minh Mạng có đến hàng nghìn bài. Thơ ông mang khẩu khí đế vương, phần nhiều viết về các hiện tượng tự nhiên như mưa nắng, việc cầu mưa thuận gió hòa, bộc lộ tâm tư lo lắng cho giang sơn xã tắc. Đặc biệt, ông thường làm thơ để thể hiện lý tưởng chính trị, xã hội của mình, như lời Nho thần Phan Thúc Trục phẩm bình: “Vua khi rồi muôn việc, gửi tình bút mực, để ý nghệ văn (...) Những bài thơ phần nhiều là những việc kính trời, yêu dân, ghi ngày tạnh, ngóng ngày mưa” (Phan Thúc Trục, 2009: 272). Vua Minh Mạng thường làm thơ tặng các quan, các quan làm biểu tạ ơn, ông phủ dụ họ rằng: “Thơ trăm làm không cần khéo léo, chỉ luôn miệng ngâm ra để nói chí mình thôi. Những bài ban cho ấy đều nói về việc kính trời lo dân, mong tạnh cầu mưa, để các khanh biết ý trăm, không phải vụ lời văn hoa mà đua hay với văn sĩ đâu” (Phan Thúc Trục, 2009: 272-273). Đương thời, vua Minh Mạng rất ngưỡng mộ sự nghiệp chính trị và thơ văn của vua Lê Thánh Tông. Ông cho sưu tầm trước tác của Lê Thánh Tông và văn nhân thời Hồng Đức để lưu truyền lại ở đời. Vua Minh Mạng cũng thích mô phỏng và có ý so sánh thơ mình với thơ Lê Thánh Tông. Thực tế, các vị vua Lê Thánh Tông và Minh

Mạng đều là những nhà thơ kiệt xuất trong thời đại của mình.

Thiệu Trị (1807-1847) là vị vua thứ ba triều Nguyễn. Tuy cuộc đời ngắn ngủi nhưng ông đã có một sự nghiệp văn chương đồ sộ về số lượng, đa dạng về nội dung, phong phú về hình thức thể loại. Trước tác tiêu biểu của vua Thiệu Trị có: *Thiệu Trị ngự chế thi tập* với hơn 3.000 bài thơ (gồm cả thơ của vua Thiệu Trị và quần thần), nội dung là tức sự, cảm hoài, đề vịnh danh thắng, nhân vật lịch sử; *Ngự chế cổ kim thể cách thi pháp tập* với nhiều bài thơ làm theo cách đọc xuôi, đọc ngược, đọc ngang, đọc vòng quanh... rất độc đáo; *Ngự chế tài thành phụ tướng tiên thiên hậu thiên thi tập* gồm những bài thơ diễn giải quẻ *Kinh dịch*, dùng để xem đoán việc cát hung; còn *Hoàng huân cứu thiên bao* gồm những bài thơ khuyên mọi người làm điều thiện, ăn ở phúc đức hợp đạo trời, chỉ bảo quan lại và nhân dân về đạo trời đất, vua tôi, cha con, vợ chồng... Đặc biệt, vua Thiệu Trị có 2 bài thơ chữ Hán rất nổi tiếng là *Vũ Phước Viên Văn hội lương dạ mạn ngâm* (Đêm thơ ở Phước Viên) và *Vũ trung sơn thủy* (Cảnh trong mưa). Cả hai bài không trình bày theo lối thường mà viết thành nhiều vòng tròn đồng tâm, mỗi vòng tròn có một số chữ, đếm mỗi bài có 56 chữ, ứng với một bài thơ thất ngôn bát cú, nhìn vào như một trận đồ bát quái, vua có chỉ cách đọc với tổng cộng 64 bài thơ trong đó¹. Nhìn chung, thơ của vua Thiệu Trị thể hiện những tinh hoa đạo lý Nho giáo nhằm mục đích: “Kính thiên, pháp địa, cần chính, ái dân”, bày tỏ nỗi lòng, chí hướng của bậc quân vương với nước, với dân, thể

¹ Trong công trình *Tìm hiểu kỹ xảo hội văn liên hoàn trong bài thơ Vũ Trung Sơn Thủy của vua Thiệu Trị* (Nxb. Thuận Hóa, 1998), Nguyễn Tài Căn đã tìm ra 64 cách đọc cho bài thơ “Ngự chế Vũ trung sơn thủy” của vua Thiệu Trị.

hiện tình yêu thiên nhiên. Về văn, *Thiệu Trị ngự chế văn tập* có hàng trăm bài chiếu, chế, dụ, biểu, châm, ký, minh, tựa, bạt, bi ký, câu đối; nội dung đề cập đến việc tán phong chức tước, xây dựng lăng tẩm, tu bổ công trình xây dựng, khuyên răn dân chúng chăm chỉ làm ruộng, giữ gìn thuần phong mỹ tục, việc thi cử tuyển chọn người tài. Còn *Ngự chế lịch đại sử tổng luận* ghi chép những lời luận bàn của nhà vua về các sự kiện lịch sử, các triều đại, các nhân vật của lịch sử Trung Quốc, v.v...

Tự Đức (1829-1883) là vị vua thứ tư của triều Nguyễn, có thời gian trị vì lâu nhất triều Nguyễn (từ năm 1847 đến năm 1883). Vua Tự Đức là một tác gia văn học lớn thời Nguyễn với số lượng tác phẩm rất nhiều được viết bằng cả chữ Hán và chữ Nôm. Các tác phẩm Nôm của ông gồm: *Luận ngữ thích nghĩa ca* (tập sách dịch nghĩa cuốn *Luận ngữ* - tác phẩm kinh điển của Nho gia - ra thơ Nôm), *Tự Đức thánh chế tự học giải nghĩa ca* (sách dạy chữ Hán bằng nghĩa Nôm, được viết theo thể lục bát với 4.572 câu, được sắp xếp thành các môn loại: *kham dư loại, nhân sự loại, chính hóa loại, khí dụng loại, thảo mộc loại, cảm thú loại* và *trùng ngư loại*). Sáng tác bằng chữ Hán của ông bao gồm nhiều lĩnh vực, nhiều thể loại như: *Đạo biện* (Bàn về chữ “Đạo” của nhiều nhà triết học, nhiều tôn giáo và đi đến khẳng định chỉ có “Đạo” của thánh hiền mới chuẩn mực và cần thiết với con người), *Ngự chế thi (phụ tạp văn)* (trong đó phần nhiều là thơ và các bài chiếu, dụ, châm khuyên các quan nên thanh liêm; ngoài ra còn có các bài viết về điều lệ thi hương, dụ cấp tiền cứu trợ thiên tai ở các địa phương...), *Ngự chế thi tập* (tập thơ vịnh nhân vật lịch sử Trung Quốc, vịnh thời tiết bốn mùa), *Ngự chế Việt sử tổng vịnh* (vịnh về các nhân vật và sự kiện trong lịch sử Việt Nam như vua chúa, hoàng hậu, anh hùng,

gian thân...), *Tự Đức ngự chế thi* (gồm những bài cảm tác hoặc ngâm vịnh, vịnh sử, tạp vịnh, thơ mừng tặng, thơ khuyên răn các quan), *Tự Đức ngự chế văn* (gồm ba phần: *Ngự chế văn sơ tập* - 2 tập, *Ngự chế văn nhị tập* - 3 tập và *Ngự chế văn tam tập* - 4 tập; đây là những bài dụ, luận, châm, phú, vịnh, tán, câu đối, biểu, ký, đề các bài văn sách thi đình), *Tự Đức thánh chế văn tam tập* (gồm các bài dụ về việc dùng người hiền tài, khuyên các quan chăm lo công việc, dụ tán phong các hoàng thân...), *Ngự chế thi phú* (gồm các bài thơ vịnh về nhân vật lịch sử, thắng cảnh, bài ký về cửa Thuận An, các bài phú viết về núi sông, thổ sản...), *Ngự chế thi* (tập thơ xướng họa giữa tác giả với các văn thần), *Khâm định đối sách chuẩn thẳng* (bộ sách viết về phương pháp viết thể đối sách), v.v... Vua Tự Đức không chỉ là một nhà thơ, nhà văn mà còn là một nhà nghiên cứu ngôn ngữ, lý luận, lịch sử, văn hóa... Thơ văn Tự Đức được hậu thế đánh giá rất cao, đặc biệt là về mặt sử dụng ngôn ngữ. Thơ của ông chữ nghĩa tinh tế và cao siêu, người đời sau khó lòng hiểu hết và dịch một cách chính xác. Còn văn của ông có nhiều điển cố, điển tích uyên bác, cao nhã.

Như vậy, có thể thấy, các vị vua như Minh Mệnh, Thiệu Trị, Tự Đức là những tác gia lớn trong lịch sử văn học Việt Nam với số lượng tác phẩm đồ sộ. Ngoài ra, các vị vua khác của nhà Nguyễn cũng là những người yêu thích và có tài năng văn chương. Chẳng hạn, vua Thành Thái có *Canh Tý thi tập*, vua Đồng Khánh có *Đồng Khánh ngự chế thi văn*, vua Khải Định có *Khải Định ngự giá Như Tây thi tập*... Các vua như Duy Tân, Bảo Đại cũng có thơ ca lưu truyền qua các sách vở, tư liệu.

Góp phần dựng nên diện mạo của văn học hoàng phái triều Nguyễn còn có rất nhiều tác giả trong hoàng tộc nhà Nguyễn. Theo sách *Kể chuyện các đời vua*

nhà Nguyễn của Nguyễn Việt Kế (2001), Minh Mạng là vị vua có nhiều phi tần và đông con nhất trong số 13 vua triều Nguyễn. Nhà vua có 142 người con (78 hoàng tử và 64 hoàng nữ), trong đó nhiều người có tài thơ văn như: Nguyễn Phúc Miên Định (1808-1885), Nguyễn Phúc Miên Thẩm (1819-1870), Nguyễn Phúc Miên Bửu (1820-1854), Nguyễn Phúc Miên Trinh (1820-1887), Nguyễn Phúc Miên Thanh (1830-1877),... Trong số đó thì sự nghiệp thơ văn của Miên Thẩm (Tùng Thiện vương) và Miên Trinh (Tuy Lý vương) là nổi bật hơn cả. Họ được coi là hai ông hoàng của thi ca thời Nguyễn, được người đương thời tôn vinh là *Thi Ông* (Tùng Thiện vương) và *Thi Bá* (Tuy Lý vương). Còn các công chúa cũng có một số người có tài thơ văn như Nguyễn Phúc Vĩnh Trinh (1824-1892), tự là Trọng Khanh, hiệu Nguyệt Đình, có tác phẩm *Nguyệt Đình thi thảo*; Nguyễn Phúc Trinh Thuận (1826-1904), tự là Trúc Khanh, hiệu là Diệu Liên, Mai Am, có tác phẩm *Diệu Liên thi tập*; Nguyễn Phúc Tĩnh Hòa (1830-1882), tự Quý Khanh, Dưỡng Chi, hiệu là Huệ Phó, có tác phẩm *Huệ Phó thi tập*. Ba công chúa văn chương được người đương thời tôn là “Tam Khanh”, nhưng có lẽ nổi tiếng hơn cả là Mai Am. Thơ Mai Am nữ sĩ được các danh sĩ, văn nhân đương thời ca ngợi.

Hậu duệ vua Minh Mệnh sau này còn có nhiều người có sáng tác văn chương như: Nguyễn Phúc Hồng Y (1833-?), tước Thụy Thái vương, tác giả của các tập thơ *Hậu uyển thi tập*, *Thị học tụng*; Nguyễn Phúc Ứng Bình (1877-1961), bút hiệu Thúc Gia Thi, có tập thơ *Lộc Minh thi tập* (chữ Hán) và các vở tuồng *Lô Dịch*, *Tuồng tào lao*, *Tình Thúc Gia*, *Đời Thúc Gia*, *Bán buồn mua vui*, *Tiếng hát sông Hương*,...; Nguyễn Phúc Bửu Đình (1898-1931) sáng

tác những tiêu thuyết như *Mảnh trăng thu*, *Giọt lệ tri âm*, *Sông hồ Ba Bể*; v.v...

Trần Trọng Dương (2010) trong bài khảo luận về các tác gia hoàng tộc triều Nguyễn đã khảo sát tình hình văn bản của 17 tác giả. Đó là những người có thi tập, có thể đứng riêng thành một tác giả lớn, cũng có thể đó là tác giả chỉ còn để lại một số bài thơ được chép trong một số tuyển thơ, như: Từ Sơn công (1813-1869), Thọ Xuân vương Miên Định (1808-1885), Ninh Thuận công Miên Nghi (1810-1875), Tương An quận vương Miên Bửu (1820-1854), Quý Châu quận công Miên Liêu (1824-1882), Quảng Ninh quận vương Miên Bật (1825-1848), Lạc Biên quận công Miên Khoan (1826-1864), Quảng Trạch quận công Miên Cư (1838-1854), An quốc công Miên Ngung (1829-1853), Trấn Biên quận công Miên Thanh (1830-1877), Phong quốc công Miên Kiên (1831-1855), Hòa Thạnh vương Miên Tuấn (1827-1907), Phong Lộc quận công Huỳnh Hàng (1837-1867), Kiến Thụy quận vương Huỳnh Y (1833-1878), Huỳnh Sâm (1840?-1883?), Nguyễn Phước Ứng Phục (?-?). Theo Trần Trọng Dương (2010: 321): “Trên thực tế, số lượng tác gia chắc còn lớn hơn nhiều. Theo *Nhã Đường thi tập* ghi thì còn có những tác gia có thể vẫn tìm thấy tác phẩm như Miên Bật, Miên Ôn, Miên Kiên, Miên Ngôn, Miên Tể, Huỳnh Phi, v.v... Tất nhiên, số lượng của các tác gia có thi tập, văn tập cũng không nhiều. Việc sưu tầm lại các văn bản các tác phẩm là một việc làm bước đầu và cần thiết”.

Nói về văn học vương triều Nguyễn, không thể không nhắc đến mảng thơ văn chữ Hán trên kiến trúc cung đình Huế. Hiện nay, trên các đền đài, thành quách, lăng tẩm, cung điện triều Nguyễn tại cố đô Huế vẫn còn nguyên bút tích của rất nhiều bài thơ, văn, câu đối bằng chữ Hán. Hệ thống thơ văn trên kiến trúc cung đình

Huế phần lớn vốn là trước tác của các vị hoàng đế, thân vương triều Nguyễn. Theo Phan Thanh Hải (2015), hệ thống này bao gồm hàng ngàn bài thơ, bài văn, câu đối được thể hiện trực tiếp bằng nhiều loại hình chất liệu khác nhau (gỗ, xà cừ, pháp lam, sành sứ...) trên công trình kiến trúc như một cách thức trang trí đặc biệt, riêng có tại Huế. Đó thật sự là một bảo tàng sống động, một “thư viện”, “bảo tàng” văn chương cung đình thời Nguyễn. Thơ văn trên kiến trúc cung đình Huế “thể hiện nhiều chủ đề nội dung khác nhau, nhưng tựu chung gồm các chủ đề chính sau: ca ngợi vương triều, ca ngợi cảnh thái bình thịnh trị, đất nước độc lập, bờ cõi thống nhất, ca ngợi cảnh đẹp vùng đất đế đô, vẻ đẹp của hoa cỏ, cây cối, các mùa trong năm, khuyến khích nông nghiệp, chia sẻ nỗi niềm với người dân... Riêng mảng văn thơ trên các quốc tự thì còn có chủ đề ca ngợi đạo Phật, ca ngợi tam giáo đồng nguyên (Phan Thanh Hải, 2015: 23).

4. Giá trị văn học hoàng phái triều Nguyễn

Thời Nguyễn, nhiều vị hoàng đế, hoàng tử, công chúa và những người trong hoàng tộc trước tác, trước thuật, nhất là thơ ca, từ đó hình thành kiểu tác gia hoàng đế, thi nhân hoàng đế, tác gia hoàng tộc và đặc biệt đã tạo nên dòng (khuyh hướng) văn học hoàng phái - một bộ phận trung tâm của nền văn học thời Nguyễn. Nhiều vị vua nhà Nguyễn là những nhà chính trị, quân sự mạnh mẽ và quyền biến nhưng cũng yêu thích và có tài sáng tác thơ văn, có ý thức dùng văn học để “nói chí”, “chở đạo”. Có lẽ họ luôn ý thức rõ về vai trò của văn chương đối với sự khẳng định tài năng và quyền lực của mình. Sáng tác văn học đối với họ thực chất là “việc làm chính trị”, sử dụng sức mạnh của văn học nghệ thuật để truyền đạo, thuyết giáo, tuyên truyền cho

đạo trị nước. Ngay những tác phẩm tưởng như được sáng tác vì các mục đích nghệ thuật (thơ thù tạc, ngâm vịnh, tống tặng, từ khúc...) xét cho cùng vẫn thực hiện những chức năng rất thực tiễn gắn liền với đời sống chính trị - tư tưởng đương thời. Chẳng hạn, *Ngự chế lương kỳ tiểu bình nghịch phi phương lược*, *Ngự chế tam tài đồ hội thi tập* (Thiệu Trị), *Ngự chế Việt sử tổng vịnh* (Tự Đức), *Ngự chế Như Tây nhật ký* (Khải Định)... bề ngoài là thù tạc, tả cảnh, tả tình nhưng thực chất là những công cụ tuyên truyền, giáo huấn về chính trị, góp phần củng cố vương quyền. Nhìn chung, sáng tác văn học hoàng phái triều Nguyễn đậm đặc các quan niệm của Nho giáo về tam cương, ngũ thường, thiên mệnh, đức trị, nhân trị, tu tâm, dưỡng tính, tri nhân luận thế, về lý học, tâm học, v.v... Nội dung dòng văn học này xoay quanh việc chuyển tải các nội dung tư tưởng của Nho giáo hình thành nên tính chất thuyết lý, giáo huấn.

Thời Nguyễn là thời lối văn chương thù phụng, tụng ca phát triển mạnh mẽ, phong phú, do nhiều vua tôi nhà Nguyễn giỏi chữ năng văn, đặc biệt là nhiều thành viên hoàng tộc nhà Nguyễn do không được tham gia sâu vào chính sự nên có điều kiện toàn tâm toàn ý sáng tác văn chương thù phụng, tụng ca. Trong di sản thơ văn rất đồ sộ của hoàng phái nhà Nguyễn, phần lớn là thơ văn thù tạc, ca tụng, như các sáng tác của các vua Minh Mệnh (*Ngự chế thi tập*, *Minh Mệnh cung từ*,...), Thiệu Trị (*Ngự chế thi tập*, *Ngự chế Tam tài đồ hội thi tập*, *Ngự chế cổ kim thể cách thi pháp tập*, *Ngự chế Hoàng huấn*, *Khâm định tập vận trích yếu*,...), Tự Đức (*Ngự chế thi tập*, *Cơ dư tự tình thi tập*,...), Khải Định (*Ngự chế Như Tây thi tập*, *Ngự chế Bắc tuần thi tập*,...)... Các hoàng thân như Nguyễn Phúc Đài, Nguyễn Phúc Miên Thẩm, Nguyễn Phúc Miên Triện, Nguyễn Phúc Miên Trinh,

Nguyễn Phúc Miên Bửu, Nguyễn Phúc Hồng Y, Nguyễn Phúc Miên Tuấn,... cũng có rất nhiều sáng tác mang tính chất thù phụng, ngợi ca.

Thơ văn cung đình mang tính thù phụng, tụng ca nói trên thường sử dụng những mỹ từ trang nhã, những điển cố sang trọng để làm hài lòng người nghe. Nội dung chủ yếu ca ngợi công đức vua chúa dựng xây cơ đồ, khai sáng triều đại, mở mang bờ cõi và những chiến công oanh liệt, hoặc miêu tả, ca ngợi phong cảnh chốn cung đình (ngọn gió, áng mây, thời tiết, ao hồ, cây cỏ, hoa lá... cho đến những đồ vật hoàng cung). Loại hình thơ ca đó cũng thể hiện quan điểm, tư tưởng của triều Nguyễn đối với nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội như: đề cao độc lập dân tộc, tự hào về truyền thống văn hóa Việt, ca ngợi mùa xuân, cảnh đẹp non sông đất nước,... Chẳng hạn, các bài thơ của vua nhà Nguyễn đề ở điện Thái Hòa đã khẳng định nền văn hiến lâu đời của dân tộc như: *“Văn hiến thiên niên quốc/ Xa thư vạn lý đồ/ Hồng Bàng khai tịch hậu/ Nam phục nhất Đường Ngu”* (Nước Việt đã ngàn năm văn hiến/ Cơ đồ vạn dặm đã thông nhất hoàn toàn/ Từ thuở Hồng Bàng mở nước/ Trời Nam đã một cõi sánh với Đường, Ngu); hay ca ngợi triều đại và thể hiện lý tưởng xây dựng đất nước phồn vinh: *“Thái bình tân chế độ/ Hiên khoát cựu quy mô/ Văn vật thanh danh hội/ Xuân phong mãn đế đô”* (Đất nước thái bình trong chế độ mới/ Mở rộng quy mô xưa/ Văn vật người tài về tụ hội/ Gió xuân tràn ngập cả kinh đô); hoặc ca ngợi công đức đế vương: *“Địa địa chung linh khí/ Quân tinh cùng đế xu/ Thánh hoàng trung kiến cực/ Liễm phúc dĩ thời phu”* (Đất lành hun đúc linh khí/ Tinh tú châu về nơi vua ở/ Bậc thánh đế trang nghiêm trên ngôi báu/ Tích phúc để lan tỏa cho muôn dân); v.v...

Ở thời Nguyễn (và có thể trước đó là từ thời các chúa Nguyễn), còn xuất hiện một loại hình văn học cung đình điển hình mang đậm tính chất tụng ca, thù phụng là văn học tuồng (mà soạn giả ít nhiều có liên quan đến hoàng tộc), trong đó nổi bật là các vở tuồng mang đề tài “quân quốc” (vua và nước). Bên cạnh tính giáo huấn (cương thường, đạo đức), các vở tuồng này thiên về tính chất thù phụng, chúc tụng quân vương. Điển hình là các vở rất đồ sộ ở triều Nguyễn như: *Vạn bảo trình tường, Quân phương hiến thụy, Quân phương tập khánh, Dãng khấu chí*, v.v...

Do mang sắc thái văn hóa cung đình, văn học hoàng phái khó tránh khỏi sự khuôn sáo, nghi thức; tuy thể hiện được sự uyên bác, tao nhã nhưng lại thường công thức, gò bó, ít cảm xúc, ít nội dung thực sự có giá trị văn chương và nhân sinh. Tuy nhiên, văn học hoàng phái đã hướng đến việc củng cố triều đại, xây dựng đất nước thái bình, thịnh trị, hùng cường, bảo vệ toàn vẹn chủ quyền lãnh thổ, giữ vững quốc thể, chăm lo cho dân chúng... Về cơ bản, những nội dung đó cũng phù hợp với lợi ích quốc gia, dân tộc ở những giai đoạn nhất định nên văn học hoàng phái vẫn có giá trị thực tế, hữu ích. Đó là chưa kể, trong những tác phẩm mang tính chất thù phụng, ngợi ca ấy có không ít những tác phẩm viết rất hay về thiên nhiên đất nước, về phong cảnh trữ tình, rất có giá trị thẩm mỹ.

Trong sáng tác của một số tác giả văn học hoàng phái triều Nguyễn (đặc biệt là vua, hoàng thân,...), người đọc cũng thấy được những tình cảm yêu thương, triu mến, cảm thông, trân trọng một cách rất chân thành của họ đối với người dân, nhất là những con người nhỏ bé, ở tầng lớp dưới, những con người dễ bị tổn thương và trên thực tế đã gặp nhiều khổ đau, bất hạnh. Chẳng hạn, một số vua nhà Nguyễn (Minh

Mệnh, Thiệu Trị, Tự Đức,...) ngoài thể hiện sự yêu dân, chăm dân của đấng quân vương còn đọc và cảm thông với tư cách một con người bình thường đối với nhân vật Thuý Kiều trong *Kim Vân Kiều truyện* hoặc *Đoạn trường tân thanh*. Điều đó thể hiện qua các bài thơ vịnh Kiều của họ. Các hoàng thân nhà Nguyễn mặc dù sống cuộc sống sung túc, nhân hạ, vương giả, nhưng một số tác giả đã quan tâm đến số phận và bi kịch của người dân thường và viết về họ (như: Nguyễn Phúc Miên Bửu, Nguyễn Phúc Miên Thắm, Nguyễn Phúc Miên Trinh, Nguyễn Phúc Vĩnh Trinh - Nguyệt Đình, Nguyễn Phúc Trinh Thận - Mai Am, Nguyễn Phúc Tĩnh Hòa - Huệ Phố,...). Trong đó, những sáng tác của Miên Thắm (như *Phù lưu tiên hành*, *Mại trúc đao*,...) hay Miên Bửu (*Trăm thương*) thường được nhắc đến và đánh giá cao về tinh thần nhân đạo. Điều đó đã giảm bớt tính chất thù phụng, hoa mỹ, đài các có phần xa rời hiện thực của văn học hoàng phái triều Nguyễn.

5. Kết luận

Có thể thấy, văn học hoàng phái triều Nguyễn là dòng văn học phát triển thịnh đạt và có những đóng góp tương đối quan trọng cho lịch sử văn hóa, văn học dân tộc trên nhiều phương diện, từ văn hóa, tư tưởng đến ngôn ngữ văn chương,... Tính liên tục và thống nhất trong cảm quan văn hóa, văn học của các dòng văn học hoàng phái gợi mở những vấn đề mang tính lý luận và tính quy luật của lịch sử văn học Việt Nam thời trung đại. Nghiên cứu văn học hoàng phái triều Nguyễn sẽ có giá trị bổ sung thêm một hướng tiếp cận đối với văn học sử Việt Nam (tiếp cận văn học các dòng họ, đặc biệt là dòng họ hoàng gia); không những thế, còn góp phần gợi mở một số vấn đề mang tính liên ngành văn hóa mà nhiều bộ môn khoa học xã hội Việt Nam hiện đang quan tâm □

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Tài Cẩn (1998), *Tìm hiểu kỹ xảo hồi văn liên hoàn trong bài Vũ Trung sơn thủy của Thiệu Trị*, Nxb. Thuận Hóa, Huế.
2. Trần Trọng Dương (2010), “Khảo sát tình hình văn bản tác phẩm một số tác gia hoàng tộc triều Nguyễn”, trong: Viện Nghiên cứu Hán Nôm (2010), *Thông báo Hán Nôm học 2009*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, tr. 302-321.
3. Lâm Giang (2004), *Lịch sử thư tịch Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
4. Trần Văn Giáp (1971), *Lược truyện các tác gia Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
5. Trần Văn Giáp (1984), *Tìm hiểu kho sách Hán Nôm - nguồn tư liệu văn học sử Việt Nam*, Tập 1, Nxb. Văn hóa, Hà Nội.
6. Trần Văn Giáp (1990), *Tìm hiểu kho sách Hán Nôm - nguồn tư liệu văn học sử Việt Nam*, Tập 2, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
7. Phan Thanh Hải, Lê Thị An Hòa, Phạm Đức Thành Dũng (2016), “Thơ văn chữ Hán trên kiến trúc cung đình Huế - một di sản tư liệu độc đáo”, Tạp chí *Di sản văn hóa vật thể*, số 2, tr. 19-27.
8. Nguyễn Việt Kế (2001), *Kể chuyện các đời vua nhà Nguyễn*, Nxb. Đà Nẵng, Đà Nẵng.
9. Trần Nghĩa - François Gros (1993), *Di sản Hán Nôm Việt Nam thư mục đề yếu*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
10. Quốc sử quán triều Nguyễn (2002), *Đại Nam thực lục*, Tập 4, bản dịch của Viện Sử học, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
11. Quốc sử quán triều Nguyễn (2006), *Đại Nam liệt truyện* (Nhiều người dịch), Nxb. Thuận Hóa, Huế.
12. Phan Thúc Trực (2009), *Quốc sử di biên*, bản dịch của Viện Sử học, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.